

Họ tên thí sinh:Số báo danh:

Mã đề thi 0907

PHẦN I. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 18. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.

Câu 1: Phát biểu nào sau đây đúng về ngành công nghiệp sản xuất, chế biến thực phẩm ở nước ta?

- A. Các ngành sản xuất chính tương đối đa dạng, chỉ tập trung ở các vùng đồng bằng lớn.
- B. Ngành sản xuất chính tương đối đa dạng và đòi hỏi lao động có trình độ kỹ thuật cao.
- C. Nguồn nguyên liệu của ngành chủ yếu từ thủy hải sản, sản phẩm của ngành chăn nuôi.
- D. Phân bố nhiều nơi trên lãnh thổ nước ta vì có nguồn nguyên liệu phong phú, đa dạng.

Câu 2: Phát biểu nào sau đây đúng với khu công nghiệp ở nước ta hiện nay?

- A. Chỉ thu hút vốn đầu tư nước ngoài.
- B. Gắn với quá trình công nghiệp hóa.
- C. Ranh giới không xác định.
- D. Chỉ sản xuất hàng xuất khẩu.

Câu 3: Đất feralit ở nước ta thường bị chua vì nguyên nhân chủ yếu nào sau đây?

- A. Tích tụ ôxít sắt Fe_2O_3 .
- B. Tích tụ ôxít nhôm Al_2O_3 .
- C. Mưa nhiều, rửa trôi các chất bazơ.
- D. Quá trình phong hóa diễn ra mạnh.

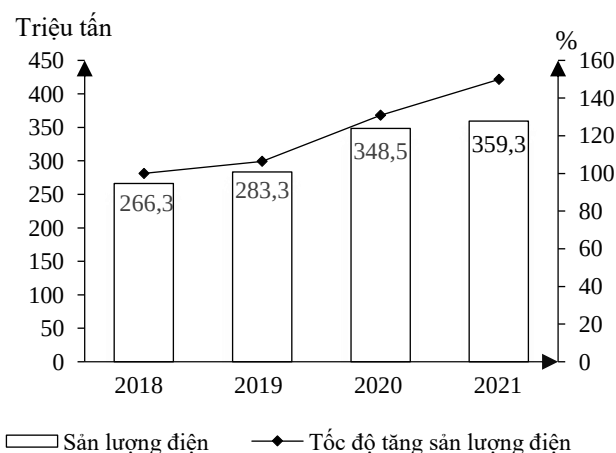
Câu 4: Chất lượng nguồn lao động của nước ta ngày càng được nâng cao chủ yếu là do

- A. mở thêm nhiều các trung tâm đào tạo và hướng nghiệp.
- B. những thành tựu trong phát triển văn hóa, giáo dục, y tế.
- C. số lượng lao động trong các công ty liên doanh tăng lên.
- D. phát triển mạnh ngành công nghiệp và dịch vụ nông thôn.

Câu 5: Ưu thế nổi bật nhất của ngành nuôi trồng thủy sản so với khai thác thủy sản ở nước ta là

- A. tiềm năng đồng đều ở các vùng, kỹ thuật tốt.
- B. thu hút vốn nước ngoài, tự nhiên thuận lợi.
- C. ít phụ thuộc vào tự nhiên, lao động đông.
- D. hiệu quả kinh tế cao, chủ động trong sản xuất.

Câu 6: Cho biểu đồ về sản xuất điện của nước ta giai đoạn 2018 – 2021.



(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2022, NXB Thống kê, 2023)

Biểu đồ thể hiện nội dung nào sau đây?

- A. Quy mô và sự thay đổi cơ cấu điện tích.
- B. Sản lượng và tốc độ tăng trưởng sản lượng.
- C. Tình hình phát triển và cơ cấu sản lượng.
- D. Tốc độ tăng sản lượng và thay đổi cơ cấu.

- Câu 7:** Sinh vật cận nhiệt và ôn đới ở phần lãnh thổ phía Bắc đa dạng hơn phần lãnh thổ phía Nam nước ta chủ yếu do
- nằm ở vùng nội chí tuyến, gió mùa Tây Nam, độ cao địa hình.
 - vị trí gần chí tuyến Bắc, gió mùa Đông Bắc, đầy đủ ba đai cao.
 - vị trí ở xa xích đạo, Tín phong Bắc bán cầu, tiếp giáp Biển Đông.
 - nằm ở gần vùng ngoại chí tuyến, gió tây nam, lãnh thổ rộng lớn.
- Câu 8:** Nước ta nằm ở
- phía đông của Thái Bình Dương.
 - phía nam của vùng xích đạo.
 - khu vực phía tây Ấn Độ Dương.
 - vùng nội chí tuyến bán cầu Bắc.
- Câu 9:** Nước ta đẩy mạnh phát triển cây công nghiệp lâu năm nhằm mục đích chủ yếu nào sau đây?
- Đáp ứng nhu cầu hàng hóa trong nước.
 - Nâng cao hiệu quả kinh tế nông nghiệp.
 - Tạo ra sản phẩm nông sản xuất khẩu chủ lực.
 - Phát huy các lợi thế về đất đai, khí hậu.
- Câu 10:** Điều kiện khí hậu giúp nền nông nghiệp nước ta có khả năng
- đa dạng hóa sản phẩm nông nghiệp với nhiều nông sản nhiệt đới, cận nhiệt.
 - phát triển đa dạng nền nông nghiệp nhiệt đới, cận nhiệt và ôn đới quanh năm.
 - phát triển rộng rãi nhiều loại cây nhiệt đới, cận nhiệt và ôn đới.
 - phát triển nhiều loại vật nuôi ôn đới quý hiếm, giá trị kinh tế cao.
- Câu 11:** Phát biểu nào sau đây đúng với ngành công nghiệp sản xuất giày, dép của nước ta?
- Phân bố đồng đều cả nước.
 - Yêu cầu trình độ rất cao.
 - Sản phẩm chưa đa dạng.
 - Có thị trường tiêu thụ lớn.
- Câu 12:** Việc ứng dụng khoa học - công nghệ vào ngành lâm nghiệp của nước ta đóng vai trò quan trọng trong
- bảo vệ rừng, nâng cao chất lượng rừng, giá trị kinh tế từ rừng.
 - khai thác hiệu quả tài nguyên, phòng chống thiên tai.
 - giải quyết việc làm, hạn chế nạn phá rừng, bảo vệ đất.
 - tăng năng suất cây trồng, tăng sản lượng gỗ khai thác.
- Câu 13:** Dân cư nước ta phân bố chưa hợp lý đã ảnh hưởng đến vấn đề chủ yếu nào sau đây?
- Khai thác tài nguyên, sử dụng nguồn lao động.
 - Vấn đề giải quyết việc làm.
 - Nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân.
 - Việc phát triển giáo dục, y tế.
- Câu 14:** Công nghiệp sản xuất điện ở nước ta phát triển nhanh chủ yếu do
- tập trung nâng cấp một số nhà máy điện cũ.
 - kinh tế phát triển, mức sống nâng cao.
 - thu hút vốn đầu tư trong và ngoài nước.
 - đào tạo lao động trình độ cao trong ngành.
- Câu 15:** Giải pháp nào sau đây là quan trọng nhất để nâng cao hiệu quả ngành chăn nuôi ở nước ta?
- Mở rộng thị trường, thay đổi giống vật nuôi.
 - Đảm bảo nguồn thức ăn, thay đổi giống vật nuôi.
 - Đảm bảo nguồn thức ăn, mở rộng thị trường.
 - Thay đổi giống vật nuôi, đẩy mạnh chế biến.
- Câu 16:** Phát biểu nào sau đây đúng với ngành công nghiệp sản xuất điện tử, máy vi tính?
- Sử dụng nguồn nguyên, nhiên liệu lớn.
 - Cần lao động trẻ, trình độ chuyên môn cao.
 - Cần một không gian sản xuất rộng lớn.
 - Sử dụng lực lượng lao động đông đảo.
- Câu 17:** Cơ cấu công nghiệp theo lãnh thổ của nước ta có sự chuyển dịch nhằm mục đích chủ yếu nào sau đây?
- Tăng cường hội nhập với thế giới.
 - Phát triển đồng đều giữa các vùng.
 - Khai thác thế mạnh của từng vùng.
 - Giải quyết việc làm, tăng thu nhập.
- Câu 18:** Loại hình trang trại nào sau đây chiếm tỉ trọng cao nhất ở nước ta hiện nay?
- Trồng cây hàng năm.
 - Nuôi trồng thủy sản.
 - Chăn nuôi.
 - Trồng cây lâu năm.

PHẦN II. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1: Cho thông tin sau:

"Nguồn cung cấp nước chính của sông ngòi nước ta là nước mưa và nước ngầm, chính vì thế lưu lượng và chế độ dòng chảy sông ngòi phụ thuộc trực tiếp vào chế độ mưa mùa của khí hậu. Nói cách khác thủy văn Việt Nam có sự phù hợp với điều kiện khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa".

(Nguồn: *Giáo trình địa lý tự nhiên Việt Nam Nhà xuất bản Đại học Sư phạm, 2023, tr. 163*).

- a) Khoảng 70-80% lượng nước sông tập trung vào mùa cạn.
- b) Chế độ nước sông có mùa lũ trùng với mùa mưa, mùa cạn trùng với mùa khô.
- c) Chế độ nước sông có mùa lũ trùng với mùa khô, mùa cạn trùng với mùa mưa.
- d) Khoảng 80 - 90% lượng phù sa sông ngòi tập trung vào các tháng lũ.

Câu 2: Cho thông tin sau:

"Tính chung năm 2023 lực lượng lao động nước ta là 52,4 triệu người, lao động trong khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản là 13,8 triệu người, giảm 118,9 nghìn người, tương ứng giảm 0,9% so với năm trước; khu vực công nghiệp và xây dựng là 17,2 triệu người, tăng 248,2 nghìn người, tương ứng tăng 1,5%; khu vực dịch vụ với 20,3 triệu người, tăng 553,6 nghìn người, tương ứng tăng 2,8% và duy trì mức tăng cao nhất so với hai khu vực còn lại".

(Nguồn: *gso.gov.vn, 2023*)

- a) Lao động nước ta có kinh nghiệm lâu đời trong các ngành công nghiệp và dịch vụ.
- b) Lực lượng lao động nước ta đông nhất ở khu vực III và I, ít nhất ở khu vực II.
- c) Sự chuyển dịch cơ cấu lao động theo khu vực kinh tế chủ yếu do tác động của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa và chuyển dịch cơ cấu kinh tế.
- d) Tỷ trọng lao động trong khu vực II và III nước ta năm 2023 lần lượt chiếm 38,74% và 32,82% lực lượng lao động.

Câu 3: Cho bảng số liệu:

Giá trị sản xuất ngành nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản ở nước ta, giai đoạn 2010-2021

(Đơn vị: nghìn tỉ đồng)

Năm	2010	2015	2021
Tổng	876,0	1 483,1	2 125,2
Nông nghiệp	675,4	1 111,1	1 502,2
Lâm nghiệp	22,8	43,4	63,3
Thủy sản	177,8	328,6	559,7

(Nguồn: *Niên giám thống kê Việt Nam 2022, <https://www.gso.gov.vn>*)

- a) Biểu đồ tròn là dạng biểu đồ thích hợp nhất để thể hiện cơ cấu giá trị sản xuất ngành nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản ở nước ta, giai đoạn 2010 - 2021.
- b) Tỷ trọng khu vực lâm nghiệp cao hơn khu vực nông nghiệp và thủy sản qua các năm.
- c) Tỷ trọng khu vực nông nghiệp cao nhất trong cơ cấu giá trị sản xuất nông - lâm - thủy sản.
- d) Giá trị sản xuất khu vực nông nghiệp cao nhất và tăng trong giai đoạn 2010 - 2021.

Câu 4: Cho thông tin sau:

"Trong những năm qua, ngành điện cũng không ngừng đổi mới, tiếp cận khoa học kỹ thuật, công nghệ mới, công nghệ thông tin nhằm nâng cao năng lực quản lý, hiệu quả sản xuất, kinh doanh, dịch vụ khách hàng. Xây dựng và hoàn thành các nhà máy thủy điện lớn để phát điện; đưa công nghệ tuabin khí tiên tiến vào xây dựng, quản lý và vận hành có hiệu quả các nhà máy nhiệt điện. Trong công nghệ truyền tải điện đã xây dựng đường dây siêu cao áp 500 kV từ Bắc vào Nam" ...

(Nguồn: *<https://www.evn.com.vn/d6/news>*)

- a) Xây dựng đường dây siêu cao áp làm gia tăng chênh lệch sản lượng điện giữa các vùng.
- b) Công nghiệp sản xuất điện ngày càng được hiện đại hoá.

- c) Mạng lưới điện quốc gia đã được hình thành.
- d) Giá trị sản xuất của công nghiệp điện ngày càng tăng.

PHẦN III. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6.

Câu 1: Năm 2024, tổng số lao động có việc làm trong nền kinh tế của nước ta là 51,9 triệu người. Trong đó, tỉ lệ lao động nam có việc làm là 53,4%. Hãy cho biết năm 2024, số lao động nữ trong tổng số lao động có việc làm trong nền kinh tế của nước ta là bao nhiêu triệu người (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

Câu 2: Giá trị sản xuất ngành công nghiệp năm 2010 của nước ta là 3 045,6 nghìn tỉ đồng; năm 2021 là 13 026,8 nghìn tỉ đồng. Hãy cho biết tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất ngành công nghiệp của nước ta năm 2021 so với năm 2010 là bao nhiêu phần trăm (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

Câu 3: Cho bảng số liệu:

Diện tích, sản lượng cây lúa ở nước ta, giai đoạn 2010 – 2024

Năm	2010	2015	2021	2024
Diện tích cây lúa (triệu ha)	7,5	7,8	7,2	7,1
Sản lượng cây lúa (triệu tấn)	40,0	45,1	43,9	43,5

(Nguồn: Niên giám Thống kê, 2025)

Căn cứ vào bảng số liệu, hãy cho biết năng suất lúa năm 2024 là bao nhiêu tạ/ha (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

Câu 4: Năm 2024, tổng diện tích rừng của nước ta là 14,8 triệu ha. Trong đó, diện tích rừng trồng là 4,7 triệu ha. Hãy cho biết năm 2024, diện tích rừng trồng trong tổng diện tích rừng của nước ta là bao nhiêu phần trăm (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

Câu 5: Cho bảng số liệu:

Giá trị sản xuất công nghiệp theo thành phần kinh tế nước ta năm 2010 và 2021

(Đơn vị: nghìn tỉ đồng)

Năm	2010	2021
Khu vực kinh tế nhà nước	636,5	846,7
Khu vực kinh tế ngoài nhà nước	843,6	4 481,2
Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài	1 565,5	7 698,9
Tổng	3 045,6	13 026,8

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2016, năm 2022)

Căn cứ vào bảng số liệu, hãy cho biết tỉ trọng giá trị sản xuất của khu vực kinh tế Nhà nước năm 2021 đã giảm bao nhiêu phần trăm so với năm 2010 (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

Câu 6: Cho bảng số liệu:

Nhiệt độ trung bình các tháng trong năm 2023 của Huế

(Đơn vị: °C)

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Nhiệt độ	19,0	22,2	23,5	27,4	28,9	29,9	30,1	30,4	28,1	26,0	24,6	22,1

(Nguồn: Niên giám Thống kê Việt Nam năm 2023, Nxb Thống kê 2024)

Căn cứ vào bảng số liệu, hãy cho biết biên độ nhiệt độ trung bình năm 2023 của Huế là bao nhiêu °C (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

-----**HẾT**-----

- Thí sinh không được sử dụng tài liệu.
- Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.

